

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/KDTM-PT

Ngày 02 - 3 - 2023

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Chinh

Bà Lê Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

Bà Hoàng Phương Lý – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 02 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2022/TLPT-KDTM ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 05/2022/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần tập đoàn L

Trụ sở: Số 48 đường L, khu Đô thị mới N, phường C, quận X, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Bá S – Chủ tịch HĐQT, vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thu N – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Tín Việt và Cộng sự; Địa chỉ: SN 20, ngõ 88, phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Xi măng C

Trụ sở: Thôn S, xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H – Tổng giám đốc, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Kiên C – Giám đốc pháp chế Công ty Cổ phần Xi măng C, có mặt.

Địa chỉ: Số A, ngõ N, phường D, quận G, TP Hà Nội.

(Theo Giấy ủy quyền số: 232/2023 CTUQ ngày 23/02/2023 của Tổng giám đốc)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Cty Cổ phần Tập đoàn L là Cty kinh doanh đa ngành nghề, trong đó có mặt hàng khoáng sản (than). Kể từ tháng 01/2016, Cty L có ký các hợp đồng mua bán than với Cty xi măng C. Cụ thể:

Các ngày 25/01/2016 và 18/02/2017, Cty Cổ phần Tập đoàn L ký 02 HĐ mua bán than số 01/HĐMB-2016/TL-CT và 01/HĐMB-2017/TL-CT với Cty Cổ phần xi măng C. Theo thỏa thuận của hợp đồng, Cty L bán cho Cty xi măng C số lượng 30.000 tấn than cám/tháng với giá 1.970.000^d/tấn đối với than cám tiêu chuẩn 4a (Giá trên chưa bao gồm VAT). Phương thức giao hàng: Nhiều lần theo thông báo của Cty xi măng C.

Quá trình thực hiện hợp đồng đã diễn ra như sau:

- Đối với HĐ mua bán than số 01/HĐMB-2016/TL-CT, các lần giao hàng và thanh toán được thực hiện cụ thể:

Lần 1: Tại biên bản giao nhận than cám được lập giữa hai bên ngày 22/8/2016, lô hàng than cám từ ngày 28/3/2016 đến ngày 04/4/2016 Cty L đã giao cho Cty xi măng C tổng số lượng 9.750,1 tấn than cám theo yêu cầu tương ứng với các hóa đơn số 0007131 xuất ngày 04/4/2016 với giá trị 6.859.075.080^d; hóa đơn số 0007298 xuất ngày 12/4/2016 với giá trị 6.341.116.980^d; hóa đơn số 0007344 xuất ngày 13/4/2016 với giá trị 7.869.113.780^d. Như vậy, tổng cộng số tiền của lô hàng trên trị giá 21.069.305.840^d (Hai mươi một tỉ không trăm sáu mươi chín triệu ba trăm lẻ năm nghìn tám trăm bốn mươi đồng).

Lần 2: Tại biên bản giao nhận than cám được lập giữa hai bên ngày 15/6/2016, lô hàng than cám xuất ngày 06/6/2016 đến ngày 15/6/2016, Cty L đã giao cho Cty xi măng C tổng số lượng 9.064,942 tấn than cám tương ứng với hóa đơn số 0009530 xuất ngày 15/6/2016 với giá trị 19.643.729.314đ (Mười chín tỉ sáu trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn ba trăm mười bốn đồng). Ngày đến hạn thanh toán là ngày 06/8/2016.

Lần 3: Tại biên bản giao nhận than cám được lập giữa hai bên ngày 06/7/2016, lô hàng than cám xuất ngày 24/6/2016 đến ngày 25/6/2016, Cty L đã giao cho Cty xi măng C tổng số lượng 3.531,74 tấn than cám tương ứng với hóa đơn số 0002918 xuất ngày 06/7/2016 với giá trị 7.653.280.580^d (Bảy tỉ sáu trăm năm mươi ba triệu hai trăm tám mươi nghìn năm trăm tám mươi đồng). Ngày đến hạn thanh toán là ngày 27/8/2016.

Lần 4: Tại biên bản giao nhận than cám được lập giữa hai bên ngày 15/9/2016, lô hàng than cám xuất ngày 29/8/2016 đến ngày 30/8/2016, Cty L đã giao cho Cty xi măng C tổng số lượng 3.693,91 tấn than cám tương ứng với hóa đơn số 0002918 xuất ngày 30/9/2016 với giá trị 7.598.372.870^d (Bảy tỉ năm trăm chín mươi tám triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi đồng). Ngày đến hạn thanh toán là ngày 07/11/2016.

- Đối với HĐ mua bán than số 01/HĐMB-2017/TL-CT, lần thực hiện giao hàng cụ thể như sau:

Ngày 27/02/2017, Cty L đã giao cho Cty xi măng C tổng số lượng 2.814,080 tấn than cám theo hóa đơn số 0009092 xuất ngày 27/02/2017 với giá trị 4.890.871.040đ (Bốn tỉ tám trăm chín mươi triệu tám trăm bảy mươi một nghìn không trăm bốn mươi đồng).

Theo quy định tại Điều 5 khoản 5.4 của hợp đồng số 01/HĐMB-2017/TL-CT ký ngày 18/02/2017 thì Cty xi măng C thanh toán ngay 70% giá trị lô hàng bao gồm cả thuế giá trị gia tăng và 30% giá trị lô hàng bao gồm thuế giá trị gia tăng thanh toán sau khi bốc xong cho Cty L. Trường hợp bên mua không thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên bán theo hợp đồng này thì bên mua phải chịu lãi suất 1.5%/tháng cho số tiền chậm trả tính theo số ngày thực tế quá thời hạn thanh toán.

Đến ngày 01/3/2017, Cty xi măng C vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 30% của hợp đồng này theo cam kết.

Tất cả các lần giao nhận than cám nói trên đều tại kho của Cty xi măng C.

Ngày 31/3/2017, Cty L đã gửi Công văn số 35/2017/CV-TL về việc thanh toán công nợ quá hạn đến Cty xi măng C, yêu cầu Cty xi măng C phải thanh toán tổng số tiền nợ gốc là 36.326.644.076^d và số tiền lãi quá hạn của các lô hàng than tạm tính đến ngày 31/3/2017 là 3.701.419.074 đồng.

Ngày 01/4/2020, Cty L đã gửi văn bản số 28/2020 về việc thanh toán công nợ quá hạn đến Cty xi măng C. Theo văn bản này, Cty L yêu cầu Cty xi măng C phải thanh toán khoản nợ gốc là 7.225.382.764^d và lãi suất quá hạn đến ngày 31/3/2020 là 12.410.618.362đ. Tổng số tiền Cty xi măng C phải thanh toán cho Cty L là 19.636.001.126đ tính đến hết thời điểm 31/3/2020.

Theo sổ chi tiết công nợ của Cty L, Cty xi măng C còn nợ Cty L số tiền gốc là 7.225.382.764đ và số tiền lãi chậm trả tính đến ngày 15/9/2020 là 12.963.360.144đ. Như vậy, tổng số tiền nợ mà Cty L yêu cầu Cty xi măng C phải thanh toán là 20.188.742.908đ (tạm tính đến ngày 15/9/2020). Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Cty xi măng C toán toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 15/9/2022. Cụ thể: tiền gốc là 7.225.382.764đ; số tiền lãi chậm trả là 15.654.815.233đ đồng thời yêu cầu số tiền lãi quá hạn mà Cty xi măng C phải trả tính đến ngày trả xong nợ gốc cho Cty L.

- Đối với việc ký hai hợp đồng mua bán than được thực hiện trực tiếp tại Công ty Xi măng Công Thanh. Mỗi lần giao than hai bên đều lập Biên bản giao nhận. Công ty L có xuất hoá đơn VAT cho phía Công ty C. Tổng số tiền Công ty xi măng C đã thanh toán cho Công ty L là 53.630.176.880 đồng, việc thanh toán được chuyển vào tài khoản của Công ty L. Các bên đã có nhiều buổi làm việc đối chiếu công nợ. Vì vậy, quan điểm của đại diện Công ty xi măng C không biết Công ty L là ai nên không chấp nhận.

- Về ý kiến đối với việc Công ty xi măng C đã thanh toán khoản tiền hơn 5 tỷ cho Công ty L thông qua Công ty Bích Thủy. Công ty L không uỷ quyền cho ông Nguyễn Mạnh Hùng – Giám đốc Công ty Bích Thủy nhận tiền thay cho Công ty L. Vì vậy, Công ty C vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc và lãi chậm thanh toán cho Công ty L.

* *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:* Năm 2015 Cty Xi măng C ký hợp đồng mua bán than và Clinker với Cty Bích Thủy do ông Nguyễn Mạnh Hùng – Giám đốc. Quá trình giao dịch ông Hùng có đưa pháp nhân là Cty L vào để bán than với Xi măng C và ông Hùng nói mọi giao dịch, thanh toán với Tân Long là ông sẽ chịu trách nhiệm. Bởi thực tế, lúc này Công ty Xi măng C không biết Cty L là ai. Trong quá trình giao dịch thì Công ty Xi măng C đã thực hiện thanh toán với Cty L qua ông Nguyễn Mạnh Hùng. Trên thực tế, chúng tôi đã trả thừa cho Cty Bích Thủy số tiền 5.9 tỉ đồng. Do vậy, với số tiền nợ mà Cty L yêu cầu, chúng tôi đề nghị phải có sự tham gia của Cty Bích Thủy trong vụ án này để làm rõ công nợ trên và Cty Bích Thủy phải chịu trách nhiệm thanh toán với Cty L. Vì trong quá trình thanh toán và đối chiếu công nợ có việc ông Hùng xác nhận thay cho Cty L ở phần đại diện Cty L và các biên bản làm việc thỏa thuận thanh toán 2018 có sự xác nhận của 03 Cty: Xi măng Công Thanh, Cty Bích Thủy và Cty L.

*** Tại Bản án số 05/2022/KDTM-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn đã quyết định:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 430; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Cty Cổ phần Xi măng C thanh toán cho Cty Cổ phần Tập đoàn L tổng số tiền gốc là 7.225.382.764^d và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 15/9/2022 là 15.654.815.233^d. Tổng cộng là 22.880.306.337 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 05/10/2022, người đại diện theo pháp luật của bị đơn là bà Nguyễn Thị H kháng cáo, với nội dung:

- Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn;

- Tuyên Công ty Cổ phần tập đoàn L khởi kiện Công ty C là không có căn cứ và thời hiệu khởi kiện đã hết;

- Tuyên hủy bản án sơ thẩm ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn.

* Ngày 02/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa kháng nghị một phần Bản án số 05/2022/KDTM-ST Ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn theo thủ tục phúc thẩm theo hướng hủy một phần Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; người đại diện theo pháp luật của bị đơn không rút kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa không rút kháng nghị. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm tuân theo quy định của BLTTDS. Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 3 Điều 308; Điều 310 BLTTDS chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát và chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa kháng nghị và người đại diện theo pháp luật của bị đơn là bà Nguyễn Thị H kháng cáo trong thời hạn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Về xác định người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, đại diện phía bị đơn của Công ty C cung cấp tài liệu là 02 Giấy chứng nhận ĐKKD của Công ty C thay đổi lần thứ 7 ngày 21/5/2019 (người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Mai Thảo) và thay đổi lần thứ 8 ngày 09/7/2020 (người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Hoàng Thi).

Xét thấy, tại cấp sơ thẩm từ lúc nhận tài liệu khởi kiện đã không yêu cầu phía Nguyên đơn cung cấp đầy đủ tài liệu chứng cứ (trong hồ sơ không có Giấy chứng nhận ĐKKD của Công ty Cổ phần Xi măng C) để xác định người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Xi măng C. TAND thị xã Nghi Sơn đã căn cứ Đơn khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Cổ phần tập đoàn L xác định người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Xi măng C là ông Nguyễn Công Lý – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT và triệu tập ông Nguyễn Công Lý tham gia tố tụng để giải quyết tranh chấp khởi kiện của Công ty Cổ phần tập đoàn L đối với Công ty Cổ phần Xi măng C là chưa có cơ sở, vi phạm điểm a, b khoản 3 Điều 191 và Điều 193 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 75 và Điều 85 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm phải yêu cầu hoặc có văn bản yêu cầu Công ty Cổ phần tập đoàn L bổ sung nội dung đơn khởi kiện và cung cấp tài liệu bổ sung là Giấy chứng nhận ĐKKD hoặc điều lệ của Công ty Cổ phần Xi măng C tại thời điểm bị khởi kiện để xác định được người đại diện theo pháp luật của Công ty C khi tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn:

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Công ty CP xi măng C yêu cầu Tòa án triệu tập Công ty CP đầu tư và thương mại Bích Thủy để làm rõ vấn đề Công ty xi măng C đã chuyển trả tiền mua than cho Công ty L thông qua Công ty Bích Thủy, căn cứ biên bản làm việc ngày 05/12/2017 giữa Công ty Bích Thủy và Công ty L có thỏa thuận về việc trả nợ giữa các bên, trong đó có việc: nếu Công ty CP xi măng C trả tiền cho Công ty L thì Công ty L sẽ chuyển lại cho Công ty Bích Thủy. Biên bản làm việc lúc 17h ngày 29/6/2018 tại văn phòng Công ty xi măng C (BL 64) với nội dung: “Sau khi Công ty L nhận được số tiền do Công ty C chuyển thì Công ty L sẽ chuyển đủ nốt số công nợ với Công ty Bích Thủy số tiền là 1,7 tỷ đồng”. Ngày 15/9/2022, Công ty xi măng C nộp 01 vi bằng số 4349 do Văn phòng thừa phát lại Ba Đình lập ngày 09/9/2022, giữa hai bên là đại diện theo ủy quyền của Công ty xi măng C và Công ty Bích Thủy có nội dung liên quan đến mua bán và thanh toán tiền giữa Công ty xi măng C - Công ty Bích Thủy – Công ty L. Do đó, cấp sơ thẩm không đưa Công ty CP đầu tư và thương mại Bích Thủy tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án để làm rõ mối quan hệ của 3 bên liên quan đến số tiền mà Công ty xi măng C đang còn nợ Công ty L là chưa đầy đủ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các

đương sự trong vụ án, vi phạm khoản 4 Điều 58 BLTTDS. Việc cấp sơ thẩm không đưa Công ty Bích Thủy tham gia tố tụng và giành quyền khởi kiện cho Cty xi măng C khi có yêu cầu là không đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát:

[3.1]. Vi phạm về việc không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng: Như phân tích ở trên việc cấp sơ thẩm không đưa Công ty Bích Thủy là vi phạm tố tụng.

[3.2]. Vi phạm về tính án phí: Bản án sơ thẩm tuyên buộc Công ty xi măng C phải trả cho Công ty L số tiền 22.880.306.337đ, nhưng chỉ tuyên Công ty xi măng C phải chịu 120.803.000 đồng án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch là không chính xác. Căn cứ điểm e tiểu mục 1.4 Mục 1, chương II, phần A danh mục án phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Công ty xi măng C phải chịu 130.880.000 đồng mới chính xác.

[3.3]. Vi phạm về việc không tuyên trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Bản án sơ thẩm tuyên buộc Công ty xi măng C phải trả cho Công ty L số tiền 22.880.306.337đ, nhưng lại không tuyên trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền của Công ty xi măng C là vi phạm Điều 357 BLDS.

Do vụ án KDTM ở cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng nghiêm trọng: vi phạm về xác định sai tư cách người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Xi măng C, vi phạm về không đưa Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Bích Thủy vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vi phạm về tính án phí, vi phạm về không tuyên trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo Điều 357 Bộ luật dân sự. Do đó, chấp nhận kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, hủy bản án số 05/2022/KDTM-ST, ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn để cấp sơ thẩm xét xử lại.

[4]. Về án phí: Bản án sơ thẩm bị hủy nên Công ty Cổ phần Xi măng C không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào Khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310; khoản 3 Điều 148 của BLTTDS. Khoản 3 Điều 29 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

Án phí KDTM sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Án phí KDTM phúc thẩm: Công ty Cổ phần Xi măng C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; trả lại cho Công ty Cổ phần Xi măng C số tiền 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0012315 ngày 21/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhân:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P10);
- TAND thị xã Nghi Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỤC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THÂM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Chinh Lê Thu Hương

Lê Thị Thủy